

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông báo số 2302-TB/TU ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn, định mức, phương án sắp xếp xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 108/HĐND-VP ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2103/TTr-STC ngày 28 tháng 5 năm 2020 về dự thảo Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, không bao gồm xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù và xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

2. Các nội dung về quản lý, sử dụng, xử lý xe ô tô chuyên dùng không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư), ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá)

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Nguyên tắc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để: lập kế hoạch và giao dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị đủ điều kiện được trang bị xe ô tô chuyên dùng nhưng chưa được trang bị hoặc xe ô tô chuyên dùng đang quản lý, sử dụng đã quá thời hạn sử dụng theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định hoặc không đủ điều kiện kỹ thuật để tiếp tục sử dụng thì được trang bị theo đúng quy định, chủ trương mua sắm tại từng thời kỳ của Chính phủ, Bộ Tài chính và của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không vượt quá số lượng xe ô tô chuyên dùng theo Quyết định này.

3. Đối với các xe ô tô trên 16 chỗ ngồi hiện đang phục vụ hoạt động thường xuyên chở cán bộ, công chức, người lao động, khi hết niên hạn sử dụng hoặc không đủ điều kiện kỹ thuật để tiếp tục sử dụng, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện thanh lý bán theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và không trang bị thay thế.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị xe ô tô chuyên dùng thực hiện chế độ quản lý và sử dụng xe ô tô theo quy định của pháp luật về tài sản công.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi được thành lập mới hoặc đủ tiêu chuẩn sử dụng xe chuyên dùng theo quy định của pháp luật hoặc phát sinh thêm chức năng, nhiệm vụ có nhu cầu sử dụng xe chuyên dùng ngoài quy định tại Quyết định này thì cơ quan chủ quản có văn bản gửi về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2020.

2. Bãi bỏ các văn bản sau:

a) Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng trang bị cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

b) Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng trang bị cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

c) Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 về tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2017.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (kiểm tra);
- Như Điều 5;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo BRVT;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thọ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 10 /2020/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

STT	Cơ quan chủ quản	Tên đơn vị	Chủng loại xe	Số lượng	Giá mua tối đa (triệu đồng/01 xe)
1	2	3	4	5	6
		TỔNG CỘNG		257	
A		CƠ QUAN TRỰC THUỘC TỈNH ỦY		3	
1		Trường Chính trị tỉnh	Ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	2.500
2		Báo Bà Rịa - Vũng Tàu	Ô tô bán tải	2	800
B		SỞ BAN NGÀNH VÀ TỔ CHỨC TƯƠNG ĐƯƠNG		28	
1		Văn phòng UBND tỉnh	Ô tô bán tải	2	800
2		Sở Xây dựng	Ô tô bán tải	1	800
3		Sở Y tế	Xe gắn thiết bị chuyên dùng; biển hiệu nhận biết	1	1.500
4		Sở Giao thông Vận tải	Xe gắn thiết bị chuyên dùng; biển hiệu nhận biết	9	1.500
5		Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Xe gắn thiết bị chuyên dùng; biển hiệu nhận biết	9	1.500
			Ô tô bán tải	2	800
			Ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	2.500
6		Trường cao đẳng Kỹ thuật công nghệ	Ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	2.500
7		Ban Quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo	Ô tô bán tải	1	800
			Ô tô tải	1	500
C		ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG		145	
1	Sở Xây dựng	Trung tâm kiểm định	Ô tô bán tải	1	800
2	Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến thương mại	Ô tô bán tải	1	800
3	Sở Y tế	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Xe gắn thiết bị chuyên dùng; biển hiệu nhận biết	1	1.500
4	Sở Văn hóa và Thể thao	Bảo tàng tỉnh	Ô tô tải	1	500
5		Trung tâm văn hóa tỉnh	Ô tô bán tải	4	800
6		Thư viện tỉnh	Ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	2.500
7	Sở Văn hóa và Thể thao	Trung tâm huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao	Ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	2.500
8		Đoàn ca múa nhạc tỉnh	Ô tô trên 16 chỗ ngồi	2	2.500
9			Ô tô tải	1	500
9		Ban Quản lý di tích Côn Đảo	Ô tô tải	1	500
10	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Cơ sở tư vấn và điều trị nghiện ma túy	Ô tô tải	2	500
			Xe kết cấu đặc biệt	1	2.500
11		Trung tâm xã hội	Xe kết cấu đặc biệt	1	2.500
12		Trung tâm dịch vụ việc làm	Ô tô tải	1	500
13		Trung tâm điều dưỡng người có công	Ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	2.500
			Xe kết cấu đặc biệt	1	2.500
14	Sở Khoa học và Công nghệ	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ô tô bán tải	1	800
15		Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Xe kết cấu đặc biệt	1	2.500
			Ô tô bán tải	1	800
16		Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ	Xe gắn thiết bị chuyên dùng; biển hiệu nhận biết	1	1.500
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Thú y	Ô tô tải	1	500
			Ô tô bán tải	1	800
18		Trung tâm Quản lý khai thác công trình thủy lợi	Ô tô bán tải	1	800
			Ô tô tải	1	500
19		Chi cục Kiểm lâm	Ô tô bán tải	6	800
20		Trung tâm Khuyến nông	Ô tô bán tải	1	800
21		Ban Quản lý rừng phòng hộ	Ô tô bán tải	1	800
22		Ban Quản lý Khu BTTN Bình Châu - Phước Bửu	Ô tô bán tải	1	800
23		Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Xe gắn thiết bị chuyên dùng; biển hiệu nhận biết	1	1.500

STT	Cơ quan chủ quản	Tên đơn vị	Chủng loại xe	Số lượng	Giá mua tối đa (triệu đồng/01 xe)
1	2	3	4	5	6
24	Sở Giao thông vận tải	Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải	Xe gắn thiết bị chuyên dùng; biển hiệu nhận biết	95	1.500
25		Ban Quản lý Bảo trì và Kiểm định chất lượng công trình giao thông	Ô tô tải	1	500
26	Tỉnh đoàn	Nhà Văn hóa thanh niên	Ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	2.500
27		Nhà Văn hóa thiếu nhi	Ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	2.500
28	Ban Quản lý các khu công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty đầu tư và khai thác hạ tầng KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ 1 (IZICO)	Ô tô bán tải	2	800
			Xe kết cấu đặc biệt	3	2.500
29	Sở Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Ô tô bán tải	1	800
D		ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN		81	
1	Thành phố Vũng Tàu	Văn phòng Thành ủy Vũng Tàu	Ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	2.500
		Văn phòng UBND và HĐND thành phố Vũng Tàu	Xe kết cấu đặc biệt	1	2.500
			Ô tô bán tải	3	800
		Trật tự đô thị các phường thành phố Vũng Tàu	Ô tô bán tải	6	800
		Ban Quản lý các khu du lịch thành phố Vũng Tàu	Xe kết cấu đặc biệt	1	2.500
2	Thành phố Bà Rịa	Văn phòng HĐND và UBND thành phố Bà Rịa	Ô tô tải	2	500
			Ô tô tải	11	500
		Phường, xã thuộc UBND thành phố Bà Rịa	Ô tô tải	1	500
3	Thị xã Phú Mỹ	Văn phòng HĐND và UBND thị xã Phú Mỹ	Ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	2.500
			Ô tô bán tải	1	800
		Phường, xã thuộc thị xã Phú Mỹ	Ô tô tải	2	500
			Ô tô tải	5	500
4	Huyện Đất Đỏ	Văn phòng HĐND và UBND huyện Đất Đỏ	Ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	2.500
		Ban Quản lý các Khu du lịch huyện Đất Đỏ	Ô tô tải	4	500
			Xe gắn thiết bị chuyên dùng; biển hiệu nhận biết	1	1.500
5	Huyện Châu Đức	Văn phòng HĐND và UBND huyện Châu Đức	Xe kết cấu đặc biệt	6	2.500
			Ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	2.500
			Ô tô tải	2	500
6	Huyện Xuyên Mộc	Văn phòng HĐND và UBND huyện Xuyên Mộc	Ô tô trên 16 chỗ ngồi	2	2.500
			Ô tô bán tải	1	800
		Ban Quản lý các Khu du lịch huyện Xuyên Mộc	Xe gắn thiết bị chuyên dùng; biển hiệu nhận biết	1	1.500
7	Huyện Côn Đảo	Văn phòng HĐND và UBND huyện Côn Đảo	Ô tô bán tải	3	800
		Ban Quản lý dự án huyện Côn Đảo	Ô tô bán tải	1	800
		Ban Quản lý Cảng Bến Đầm	Ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	2.500
			Xe kết cấu đặc biệt	1	2.500
			Ô tô tải	4	500
		Ban Quản lý công trình công cộng huyện Côn Đảo	Xe kết cấu đặc biệt	13	2.500
		Trạm cung cấp nước Côn Đảo	Ô tô bán tải	1	800
		Ban Quản lý các Khu du lịch huyện Côn Đảo	Xe gắn thiết bị chuyên dùng; biển hiệu nhận biết	1	1.500